

giay 10398
4/29.0

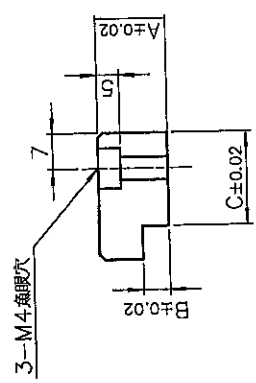
5724

610.804.0162

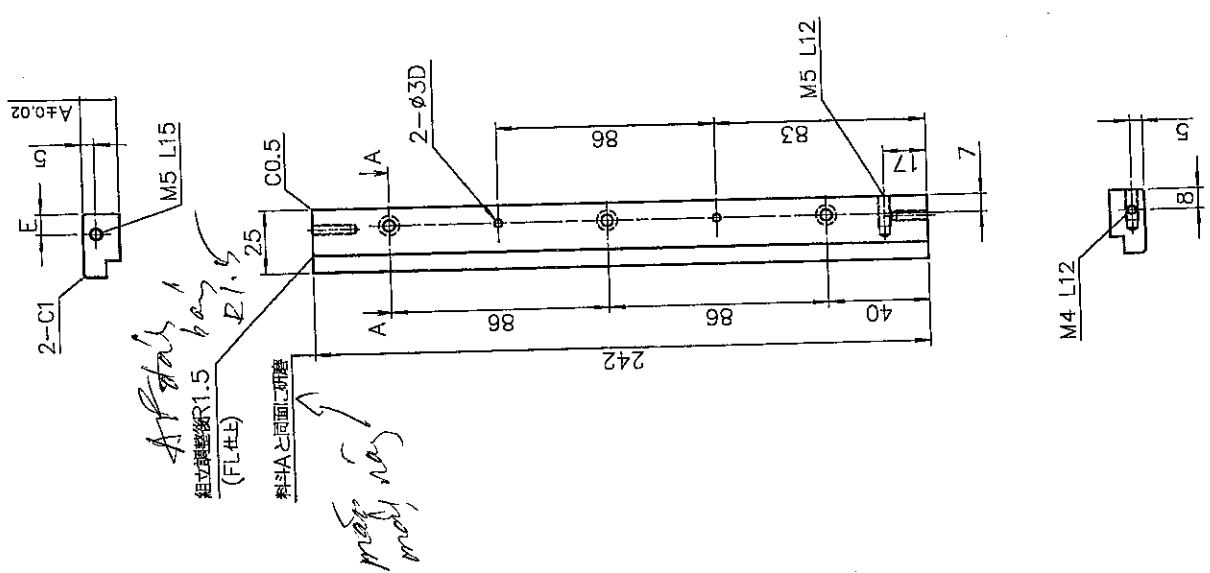
1P

9C-3 T10 x 30 x 260

A-A (X1:1)



20
50
50
20
60
30
01



11-04-2018
TRA VE SAUS
NOCKY
CONFIDENTIAL

41 4. 2018 04.111

REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE
Init.						0.5 ≤ < 6 ±0.1
△						6 < < 30 ±0.2
△						30 < < 120 ±0.3
△						120 < < 315 ±0.5
△						TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED
						FINISH MARKS
						0.4 √

規格	コード	A ±0.02	B ±0.02	C ±0.02	E
Ø13-3P	13-107	13.175	5.265	18.45	8
Ø13-3P	13-123	13.175	5.265	18.45	8
Ø13-3P	13-130AA	13.175	5.265	18.45	8

DWN.	CHKD.	TITLE	PARTS NAME
W. L. CHEN	許紹峰	部品圖	料斗 (B)
QUENCH&TEMPER	SURFACE		
HRC	SOB		
MATERIAL	DATE	SCALE	DWG.No.
SK5	2008/5/13	1/2	S764225

MAHUCH MOTOR CO., LTD.

SNO:	
SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:	
NGƯỜI THIẾT LẬP: 10197	
DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
<div>1.VẬT LIỆU:</div> <div>2.THỜI GIAN GIA CÔNG</div>	